|  |  |
| --- | --- |
| ***Dùng cho trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp có hoạt động GDNN*** | |
| Cơ quan chủ quản (nếu có) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ……..ngày 04 tháng 12 năm 2021 |
| Tên CSGDNN/DN |
| Số / . |

**PHIẾU TỰ KIỂM TRA**

**VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

*(Thời kỳ tự kiểm tra: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

….

2. Địa chỉ: …

Số tài khoản…

Mở tại …

Người đại diện theo pháp luật: …

Chức vụ: Hiệu trưởng

2.1. Trụ sở chính: …

Điện thoại:     ; Fax:      ; Email: …

Website: …

2.2. Địa điểm đào tạo

a) ….

Địa chỉ …

Điện thoại:     ; Fax:      ; Email: …

b) ….

Địa chỉ …

Điện thoại:     ; Fax:      ; Email: …

c) …

Địa chỉ …

Điện thoại:     ; Fax:      ; Email: …

d) …

đ) …

………

2.3. Loại hình cơ sở GDNN/DN: Công lập

3. Quyết định thành lập số …

4. Quyết định đổi tên số …

5. Tổng số cán bộ, nhà giáo, người lao động:      người.

Trong đó:

- Nhà giáo:     người (nhà giáo cơ hữu:    người; cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy:     người; nhà giáo thỉnh giảng:     người).

- Cán bộ quản lý:     người.

- Viên chức, người lao động khác:     người.

6. Cơ cấu, tổ chức bộ máy, gồm:

a) Ban Giám đốc, gồm: ….

đ) Các phòng hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ, gồm: …

e) Các tổ bộ môn, gồm: …

b) Các hội đồng tư vấn, gồm:…

h) Các đơn vị phục vụ đào tạo, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ (nếu có), gồm: …

d) Giám đốc

- Họ và tên …

- Ngày, tháng, năm sinh: 15/08/1960

- Trình độ chuyên môn: …

- Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

+ Đã qua lớp bồi dưỡng: ; Quyết định số …

+ Chưa qua lớp bồi dưỡng:

Lý do: …

7.Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số …; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số .

a) Tổng số    nghề đào tạo Trình độ sơ cấp:    nghề, gồm: …

b) Địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm:

- Trụ sở chính:

- Số địa điểm đào tạo ngoài trụ sở chính:   , gồm: …

8. Địa điểm đào tạo chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

a) Có:  ;

- Số địa điểm đào tạo   , gồm: …

- Đã lập hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động GDNN:

- Chưa lập hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động GDNN: . Lý do: …

b) Không có:

**II. TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**1. Quy chế tổ chức, hoạt động**

a) Đã ban hành:; Quyết định số .

b) Chưa ban hành: . Lý do: …

**2. Về công tác tuyển sinh**

2.1. Việc lập và triển khai kế hoạch tuyển sinh

- Có xây dựng:  Văn bản số ...

- Không xây dựng: . Lý do: …

2.2. Về đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh

- Có đăng ký  ; Văn bản số .

- Không đăng ký: . Lý do: …

2.3. Thành lập hội đồng tuyển sinh

- Có thành lập  Quyết định số ...

- Không thành lập . Lý do: …

- Có thành lập  Quyết định số ...

- Không thành lập: . Lý do: …

2.4. Thông báo tuyển sinh

- Có ban hành:  Văn bản số ...

- Không ban hành . Lý do: …

2.5. Phê duyệt kết quả tuyển sinh

- Có phê duyệt  Văn bản số ...

- Không phê duyệt: . Lý do: …

2.6. Về hồ sơ tuyển sinh của người học

- Có đủ hồ sơ của người học:

- Không đủ hồ sơ của người học . Lý do: …

2.7. Kết quả tuyển sinh

a) Kết quả tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh/năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Tổng số       người học (trình độ sơ cấp:     học sinh, đào tạo dưới 03 tháng:      học viên).

- Số nghề tuyển sinh đạt từ 0,1% đến dưới 20%:   nghề.

- Số nghề tuyển sinh đạt từ 20% đến 50%:   nghề.

- Số nghề tuyển sinh đạt từ 51% đến 109%:    nghề.

- Số nghề tuyển sinh vượt từ 110% trở lên:    nghề.

+ Đã lập hồ sơ đăng ký bổ sung HĐGDNN  ;Văn bản số …

+ Chưa lập hồ sơ đăng ký bổ sung HĐGDNN . Lý do: …

2.8. Nghề tuyển sinh

a) Tuyển sinh đúng nghề được cấp:

b) Tuyển sinh không đúng nghề được cấp:

- Số lượng nghề tuyển sinh vượt quá quy mô    nghề. Gồm:...

- Đã lập hồ sơ đăng ký bổ sung HĐGDNN: ; Văn bản số …

- Chưa lập hồ sơ đăng ký bổ sung HĐGDNN: . Lý do: …

**3. Công tác đào tạo**

3.1. Quy mô đào tạo

Tổng số       người học (tuyển mới trong kỳ báo cáo:       người học; số người học trước kỳ báo cáo chuyển sang:       người học). Trong đó, trình độ sơ cấp:      học sinh, đào tạo dưới 03 tháng:      học viên).

3.2. Địa điểm đào tạo

a) Đào tạo đúng địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

- Số lớp:    lớp.

- số người học:       người.

b) Đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

- Số lớp:    lớp.

- số người học:       người.

- Đã lập hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

Văn bản số ...

- Chưa lập hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

Lý do: …

3.3. Quy mô lớp học lý thuyết trình độ sơ cấp

a) Lớp học lý thuyết

- Số lớp học lý thuyết có từ 36 người trở lên:     /    lớp.

- Số lớp học lý thuyết có từ 35 người học trở xuống     /    lớp.

b) Lớp học thực hành

- Số lớp học thực hành có từ 19 người trở lên:     /    lớp.

- Số lớp học thực hành có từ 18 người học trở xuống.

3.4. Về liên kết đào tạo/đặt địa điểm đào tạo

a) Hợp đồng liên kết đào tạo/đặt địa điểm đào tạo số …. ký với ….

b) Số địa điểm liên kết đào tạo/đặt địa điểm đào tạo:      địa điểm.

c) Số nghề đào tạo      nghề đào tạo, gồm: …

d) Hình thức đào tạo

- Chính quy: ; số lớp:     /     lớp; số người học:       người.

- Vừa làm vừa học  ; số lớp:     /    ; Số người học:       người.

c) Địa điểm đào tạo

- Trụ sở chính:

- Cơ sở/phân hiệu/địa điểm đào tạo:

- Tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo/đặt địa điểm đào tạo:

+ Địa chỉ: …

+ Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN:

…

+ Chưa lập hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

Lý do: …

3.5. Số người học thôi học, bỏ học

Tổng số:      người, trong đó:

- Trình độ sơ cấp:      người (chiếm     %).

- Đào tạo dưới 03 tháng:... (chiếm     %).

3.5. Kết quả kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp cho người học

Tổng số      người học. Trong đó:

- Trình độ sơ cấp:      học sinh.

- Đào tạo dưới 03 tháng:      học viên.

**5. Công tác quản lý Chứng chỉ sơ cấp, Chứng chỉ đào tạo**

5.1. Về in ấn, phê duyệt, báo cáo mẫu phôi chứng chỉ tốt nghiệp với cơ quan có thẩm quyền

- Đã in ấn:

- Chưa in ấn:

- Đã báo cáo/đề nghị Sở LĐTBXH xác nhận mẫu phôi:

+ Có xác nhận mẫu phôi của Sở LĐTBXH:

+ Chưa có xác nhận mẫu phôi của Sở LĐTBXH:

- Chưa báo cáo/đề nghị Sở LĐTBXH xác nhận mẫu phôi: :

Lý do: …

5.2. Số chứng chỉ tốt nghiệp đã cấp cho người học

Tổng số:      người, trong đó:

- Trình độ sơ cấp:      người.

- Đào tạo dưới 03 tháng:... người.

**6. Đội ngũ nhà giáo**

6.1. Số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo[[1]](#footnote-2)

a) Về số lượng

Tổng số nhà giáo:      người. Trong đó, nhà giáo cơ hữu:     /     người; cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy:     /     người; nhà giáo thỉnh giảng:     /     người.

b) Về chất lượng:

+ Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn:     /    người (tỷ lệ    %).

+ Không đạt chuẩn về trình độ chuyên môn:     /    người (tỷ lệ    %).

+ Đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm:    /    người (tỷ lệ    %).

+ Không đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm:    /    người (tỷ lệ    %).

+ Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ:    /    người (tỷ lệ    %).

+ Không đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ:    /    người (tỷ lệ    %).

+ Đạt chuẩn về trình độ tin học:    /    người (tỷ lệ    %).

+ Không đạt chuẩn về trình độ tin học:    /    người (tỷ lệ    %).

+ Đạt chuẩn về kỹ năng nghề:    /    người (tỷ lệ    %).

+ Không đạt chuẩn về kỹ năng nghề:    /    người (tỷ lệ    %).

6.2. Tỷ lệ học sinh giáo viên

- Số nghề bảo đảm tỷ lệ 25 học sinh trên 01 giáo viên:     /     nghề.

- Số nghề vượt tỷ lệ 25 học sinh trên 01 giáo viên:     /     nghề.

6.3. Việc đánh giá, xếp loại nhà giáo

- Số nhà giáo đạt chuẩn:     /     người (chiếm    %). Trong đó:

+ Loại C:    /     người (chiếm    %)

+ Loại B:    /     người (chiếm    %)

+ Loại A:    /     người (chiếm    %)

- Số nhà giáo không đạt chuẩn:     /     người (chiếm     %).

6.4. Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho đội ngũ nhà giáo của Nhà trường

a) Đã xây dựng: ; Văn bản số ...

b) Chưa xây dựng: . Lý do: …

**7. Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo**

7.1. Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp

a) Tự xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo

- Thành lập Ban chủ nhiệm/tổ biên soạn

+ Đã thành lập: ; Văn bản số ...

+ Không thành lập: . Lý do: …

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Văn bản số ...

+ Không thành lập: ; Lý do: …

- Ban hành chương trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Văn bản số ...

+ Số chương trình đào tạo đã ban hành:      chương trình.

- Không ban hành: . Lý do: …

b) Sử dụng chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác ban hành

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Văn bản số ...

+ Không thành lập: . Lý do: …

- Ban hành quyết định áp dụng chương trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Quyết định số ... + Không ban hành: . Lý do: …

7.2. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy đào tạo dưới 03 tháng

a) Tự xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Văn bản số ...

+ Không thành lập: . Lý do: …

- Ban hành chương trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Quyết định số ...

+ Số chương trình đào tạo đã ban hành:      chương trình.

- Không ban hành: . Lý do: …

b) Sử dụng, lựa chọn chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp/doanh nghiệp khác ban hành

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Văn bản số ...

+ Không thành lập: . Lý do: …

- Ban hành quyết định áp dụng chương trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Quyết định số ... + Không ban hành: . Lý do: …

7.3. Xây dựng giáo trình đào tạo

7.3.1. Giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp

a) Tự xây dựng giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp

- Thành lập Tổ biên soạn

+ Đã thành lập: ; Quyết định số ... + Không thành lập: . Lý do: …

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Quyết định số ... + Không thành lập: . Lý do: …

- Ban hành giáo trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Quyết định số ... - Không ban hành: . Lý do: …

+ Số giáo trình đào tạo đã ban hành:      giáo trình.

b) Sử dụng, lựa chọn giáo trình đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác ban hành

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Quyết định số ...

+ Không thành lập: . Lý do: …

- Ban hành quyết định áp dụng giáo trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Quyết định số ...

+ Số giáo trình đào tạo đã áp dụng:      giáo trình.

- Không ban hành: . Lý do: …

7.3.2. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng

- Ban hành quyết định áp dụng chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

+ Đã ban hành: ; Quyết định số ...

+ Số chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy đã áp dụng, gồm:      .

- Không ban hành: . Lý do: …

**8. Công tác giáo vụ**

8.1. Việc quản lý, sử dụng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ sơ cấp[[2]](#footnote-3)

a) Về sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:

- Sử dụng đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Sử dụng không đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Không sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

b) Về ghi chép biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Ghi chép đủ thông tin biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Ghi chép không đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Không ghi chép thông tin biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

c) Lưu trữ biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Lưu trữ bản giấy in:

- Lưu trữ bằng phần mềm, điện tử:

- Kết hợp cả hai hình thức trên:

8.2. Việc quản lý, sử dụng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo dưới 03 tháng[[3]](#footnote-4)

a) Về sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Sử dụng đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Sử dụng không đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Không sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

b) Về ghi chép biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Ghi chép đủ thông tin biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Ghi chép không đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

- Không ghi chép thông tin biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo:   /   loại.

c) Lưu trữ biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Lưu trữ bản giấy in:

- Lưu trữ bằng phần mềm, điện tử:

- Kết hợp cả hai hình thức trên:

**9. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

9.1. Cơ sở vật chất chung[[4]](#footnote-5)

a) Tổng diện tích đất tối thiểu toàn trung tâm:      m2.

b) Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập:       m2.

- Bảo đảm diện tích tối thiểu (4,0 m2/chỗ học) theo quy định:

- Không bảo đảm diện tích đất tối thiểu theo quy định trên:

b) Các công trình khác …

9.2. Về thiết bị, dụng cụ đào tạo

a) Số nghề có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo:   /   nghề, gồm: …

b) Số nghề không đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo:   /   nghề, gồm: …

- Giải pháp khắc phục …

**10. Thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo**

a) Chế độ làm việc của nhà giáo[[5]](#footnote-6)

- Đã xây dựng quy chế làm việc:

- Chưa xây dựng quy chế làm việc:

- Bố trí nhà giáo giảng dạy thêm giờ:

+ Có: số giờ giảng dạy thêm       giờ/năm.

+ Không có:

- Số nhà giáo giảng dạy thêm không quá 200 giờ/năm       người.

- Số nhà giáo giảng dạy thêm quá 200 giờ/năm       người.

- Số nhà giáo được thanh toán đủ số tiền giảng dạy thêm giờ       người.

- Số nhà giáo chưa được thanh toán đủ số tiền giảng dạy thêm giờ       người.

- Số nhà giáo chưa được thanh toán tiền giảng dạy thêm giờ       người

b) Chính sách, chế độ

- Về tiền lương, tiền công:

+ Hình thức trả lương: Tiền mặt:  cuyển khoản:

+ Mức tiền lương, tiền công cao nhất       đồng/người/tháng

+ Mức tiền lương, tiền công trung bình       đồng/người/tháng.

+ Mức tiền lương, tiền công thấp nhất       đồng/người/tháng.

- Các khoản phụ cấp:

+ Phụ cấp đứng lớp:

+ Phụ cấp thâm niên:

+ Phụ cấp lưu động:

+ Phụ cấp nặng nhọc, độc hại:

+ Phụ cấp đặc thù:

+ Phụ cấp khác (nếu có): …

**11. Việc xây dựng, ban hành các quy chế triển khai thực hiện Luật giáo dục nghề nghiệp**

a) Quy chế tổ chức, hoạt động[[6]](#footnote-7)

- Đã ban hành: Quyết định số ...

- Chưa ban hành: . Lý do: …

b) Quy chế tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp[[7]](#footnote-8)

- Đã ban hành:  Quyết định số ....

- Chưa ban hành:. Lý do: …

c) Quy chế in ấn, quản lý, cấp phát chứng chỉ tốt nghiệp[[8]](#footnote-9)

- Đã ban hành: ; Quyết định số ...

- Chưa ban hành:. Lý do: …

d) Các quy định, quy chế khác Nhà trường đã ban hành

…..

**12. Việc thực hiện công khai các nội dung liên quan đến hoạt động của nhà trường theo quy định[[9]](#footnote-10).**

a) Mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo:

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

+ Chưa công khai:. Lý do: …

b) Mức học phí, miễn, giảm học phí

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai:. Lý do: …

c) Kết quả kiểm định chất lượng đào tạo

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai:. Lý do: …

d) Hệ thống chứng chỉ tốt nghiệp

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai:. Lý do: …

đ) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai:. Lý do: …

e) Các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai:. Lý do: …

g) Các quy định, quy chế đã ban hành

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai:. Lý do: …

**III. Kiến nghị, đề xuất**

*(Cơ quan chủ quản; Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp;...)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - | **CHỨC DANH** |

1. T heo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. [↑](#footnote-ref-2)
2. Thực hiện theo Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp. [↑](#footnote-ref-3)
3. Thực hiện theo quy định tại Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên. [↑](#footnote-ref-4)
4. Theo quy định tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. [↑](#footnote-ref-5)
5. Theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp [↑](#footnote-ref-6)
6. Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp. [↑](#footnote-ref-7)
7. Theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp. [↑](#footnote-ref-8)
8. Theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp. [↑](#footnote-ref-9)
9. Công khai các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật Giáo dục nghề nghiệp; Điều 7 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-10)